

Bản án số: 280/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09- 7-2019

“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Mỹ Duyên

2. Bà Trần Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Châu Kim H, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG; Chỗ ở hiện nay: Số 28, tổ 1, ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG, (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh H sống chung như vợ chồng năm 2003, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, cuộc sống chung hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi

vã nhau, đã không còn sống chung từ 2017 cho đến nay, không thể hàn gắn và đoàn tụ lại được, chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh H có 01 đứa con chung tên Châu Kim Đ, sinh ngày 19/5/2004, cháu Đ đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị N xác định trong thời gian chung sống với anh H không tạo lập được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Bị đơn anh Châu Kim H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H thống nhất như lời trình bày của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng, anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về nuôi con chung: Anh H đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về chia tài sản: Anh H xác định trong thời gian chung sống với chị N không tạo lập được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Châu Kim H, địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Châu Kim H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo đơn ngày 16/01/2019). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn, sống hòa thuận, hạnh phúc được đến đầu năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã không còn sống chung từ năm 2007 cho đến nay, chị N yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét thấy mặc dù chị N và anh H thuận tình ly hôn, nhưng do chị N, anh H sống chung không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó căn cứ vào khoản 1

Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh H có 01 đứa con chung tên Châu Kim Đ, sinh ngày 19/5/2004, cháu Đ đang sống với chị N, anh H đồng ý giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chị N tự nguyện nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu Đ là được tiếp tục sống với chị N. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị N và anh H.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H xác định không có tài sản chung và cũng như không có nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004506 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 14; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố :

- *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Châu Kim H.

- *Về nuôi con chung:* Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Châu Kim H, chị Nguyễn Thị Thanh N tiếp tục nuôi cháu Châu Kim Đ, sinh ngày 19/5/2004, chị Nguyễn Thị Thanh N tự nguyện nuôi con, không yêu cầu anh Châu Kim H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thanh N tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh Châu Kim H đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Châu Kim H thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* không có.

- Về nợ chung: không có

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009574 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

- Chị Nguyễn Thị Thanh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Châu Kim H vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TX.TC;
- Chi cục THADS TX. TC;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM HÒA BÌNH